

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 30-5-2018

V/v Ly hôn giữa chị D và anh H.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đông Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Văn Cầu

Ông Nguyễn Hoàng Tiến

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2018 về “Ly hôn” theo Quyết định Đưa vụ án ra xét xử số 56/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2018/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị T T K D, sinh ngày 12-02-1988 (có mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 585, ấp L M 1, xã L G, huyện C M, tỉnh An Giang.

2.Bị đơn: Anh N M H, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số nhà 641, Tổ 20, ấp V L, xã V B, huyện C T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, tờ tự khai ngày 27-12-2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị T T K D trình bày:

+Về hôn nhân: Chị và anh N M H kết hôn vào năm 2010, hôn nhân do quen biết, được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới. Cho đến nay chưa đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống chung gia đình bên chồng. Đến năm 2013, vợ chồng lên Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn sinh sống. Vợ chồng sống hạnh phúc được

khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Do bất đồng trong cuộc sống, bất đồng trong việc làm ăn, tiền bạc dẫn đến bất đồng trong tình cảm vợ chồng, không còn tin tưởng nhau nên vợ chồng luôn bất hòa, không tìm thấy hạnh phúc. Hiện nay anh H đang sống với người phụ nữ khác và đã có con riêng. Từ tháng 6/2015, chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh H, mục đích hôn nhân không đạt được, chị xin ly hôn với anh N M H.

+Về con chung: có 02 con chung tên N T B H, sinh ngày 29-6-2011 và N P L, sinh ngày 21-01-2013. Hiện chị đang nuôi dưỡng. Nếu ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 2 con chung.

+Về cấp dưỡng nuôi con: Chị yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

+Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và 2 lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh N M H, nhưng anh H vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang phát biểu quan điểm như sau:

1/Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

2/Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đối với bị đơn, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh N M H vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung đối với bị đơn anh H.

[2] *Về hôn nhân:* Chị T T K D và anh N M H kết hôn vào năm 2010, hôn nhân do quen biết, có tổ chức đám cưới. Cho đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Do đó hôn nhân của chị D và anh H vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ vào quy định tại Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thì hôn nhân của chị D và anh H không được pháp luật thừa nhận; Do đó nghĩ nên tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T T K D và anh N M H là phù hợp.

[3] *Về con chung*: Chị T T K D và anh N M H có 02 con chung. Khi ly hôn chị D có yêu cầu được tiếp tục nuôi con, anh H không có ý kiến.

Xét thấy: Cháu H chỉ hơn 6 tuổi và cháu L chỉ hơn 5 tuổi, từ nhỏ đã quen sống với gia đình chị D. Từ khi sống ly thân cho đến nay chị D nuôi dưỡng chu đáo, 2 cháu được đi học, anh H không có ý kiến gì về việc nuôi con. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Hội đồng xét xử quyết định giao cháu H và cháu L cho chị D được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Chị T T K D và các thành viên trong gia đình chị D không được cản trở anh N M H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con (chị D phải tạo điều kiện cho anh H được đưa cháu H và cháu L về thăm gia đình bên nội nếu 2 cháu đồng ý) theo quy định tại khoản 2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh N M H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị T T K D yêu cầu anh N M H cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật. Anh N M H không có ý kiến.

Xét thấy: Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị D là phù hợp quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và anh H không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét là anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở trên tháng theo từng thời điểm lương trên mỗi con chung, tổng cộng anh H cấp dưỡng nuôi 2 con bằng 1 mức lương cơ sở trên tháng theo từng thời điểm lương. Thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày 30-5-2018 cho đến khi cháu H và cháu L tròn 18 tuổi, chị D đại diện nhận.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị T T K D trình bày không có, anh N M H không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 và Điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Nguyên đơn chị T T K D phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003249 ngày 16-01-2018 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Bị đơn anh N M H phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Nguyên đơn chị T T K D có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30-5-2018).

Bị đơn anh N M H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Các Điều 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Các Điều 9, 14, 53, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 và Điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

[1] *Về hôn nhân*: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T T D và anh N M H.

[2] *Về con chung*: Chị T T K D được tiếp tục nuôi dưỡng 2 con chung tên N T B H, sinh ngày 29-6-2011 và N P L, sinh ngày 21-01-2013.

Chị T T K D và các thành viên trong gia đình chị D không được cản trở anh N M H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con (chị D phải tạo điều kiện cho anh H được đưa cháu H và cháu L về thăm gia đình bên nội nếu 2 cháu đồng ý) theo quy định tại khoản 2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh N M H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh H theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Anh N M H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai (2) con bằng một (1) mức lương cơ sở trên tháng theo từng thời điểm lương. Thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày 30-5-2018 cho đến khi cháu N T B H và cháu N P L tròn 18 tuổi, chị T T K D đại diện nhận.

[4] *Về án phí*:

Nguyên đơn chị T T K D phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng)

tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003249 ngày 16-01-2018 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Bị đơn anh N M H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

[5] *Về quyền kháng cáo:*

Nguyên đơn chị T T K D có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30-5-2018).

Bị đơn anh N M H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành;
- Phòng Kiểm tra Nghiệp vụ - Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND xã Vĩnh Bình, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang) (UBND xã Long Giang, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Đông Hoà